

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 56/2024/HS-ST

Ngày: 09 - 9 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Nguyên Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quốc Bảo

Ông Huỳnh Lê Trí Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2024/TLST-HS, ngày 13/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2024/QĐXXST-HS, ngày 16/8/2024 đối với bị cáo:

Lê Văn G, sinh ngày 16/6/1996 tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn A và bà Nguyễn Ngọc L; sống chung như vợ chồng với Nguyễn Thị Huyền T và có 01 người con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Hồ Ngọc T1**, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

- Người làm chứng: Anh **Trương Văn L1**, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 21/5/2024, Lê Văn G ngồi uống rượu cùng với Trương Văn L1 tại đường đál phía sau chùa L2 thuộc ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Trong lúc đang uống rượu, G phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Sirius biển số 64H1-037.73 của anh Hồ Ngọc T1 đang dựng cách đó khoảng 08 mét. Khoảng 15 phút sau, anh T1 đi ra phía sau C để đóng cửa nhưng không dẫn xe vào trong. Giàu biết trong cốp xe mô tô 64H1-037.73 của anh T1 có tiền vì đã nhiều lần nhìn thấy anh T1 cất tiền vào cốp xe nên G nảy sinh ý định lấy trộm tiền của ông T1. G đi đến chỗ chiếc xe 64H1-037.73 đang dựng dùng tay trái nắm một phần yên xe dờ lên, khi xuất hiện khoảng trống thì G đưa tay phải lòn vào cốp xe lấy số tiền 9.300.000đ, lấy được tiền G đi về chỗ nhậu và rủ L1 đi M thì L1 đồng ý.

G điều khiển xe chở L1 đến quán C1 tại phường Đ, thị xã B để uống nước và M, sau khi M xong G trả số tiền 800.000đ, mua 01 gói thuốc lá và 01 hột quẹt gas với số tiền 100.000đ. G điều khiển xe chở L1 ra Quốc lộ A đến bên đò Giàu Mẹo, khi xuống đò Giàu cho L1 500.000đ nhưng L1 không lấy. Đến ngày 22/5/2024 G đón xe khách đi đến tỉnh Bình Dương để trốn và sử dụng hết số tiền 4.400.000đ. Đến ngày 29/5/2024, Công an xã Đ, thị xã B mời G về trụ sở làm việc thì G thừa nhận hành vi lấy trộm tiền của anh Hồ Ngọc T1 và giao nộp số tiền 4.000.000đ còn lại.

Trước khi G lấy trộm tiền của anh T1 thì không có bàn bạc, không rủ rê Trương Văn L1 cùng thực hiện, G tự ý và tự thực hiện hành vi lấy trộm tiền của ông T1, L1 không có hành vi nào giúp sức cho G.

Quá trình điều tra, Lê Văn G đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã bồi thường cho anh Hồ Ngọc T1 số tiền 9.000.000đ, còn lại 300.000đ thì anh T1 không yêu cầu G phải bồi thường.

- Tại Cáo trạng số: 53/CT-VKSBM, ngày 12/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long truy tố Lê Văn G về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

+ Về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lê Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đề nghị tuyên phạt bị cáo Lê Văn G mức án từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo chấp hành án.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

+ Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- *Phần tranh luận*: Bị cáo và Kiểm sát viên không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo là xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về lo cho cha, mẹ và con của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, tỉnh Vĩnh Long và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai bị hại, không có mâu thuẫn và còn phù hợp với các biên bản hoạt động điều tra cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21/5/2024, Lê Văn G nhìn thấy xe mô tô hiệu Sirius mang biển số 64H1 – 037.73 của anh Hồ Ngọc T1 đang dừng tại phía trước Chùa L2 thuộc ấp Đ, xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long cách Giàu khoảng 08 mét, anh T1 đi ra phía sau C để đóng cửa nhưng không dẫn xe vào trong. Giàu biết

trong cốp xe có tiền vì đã nhiều lần nhìn thấy anh T1 bỏ tiền vào trong cốp xe nên nảy sinh ý định lấy trộm tiền. Giàu đi đến nơi xe dừng dùng tay trái nắm một phần yên xe kéo lên, tay phải lòn vào cốp xe lấy số tiền 9.300.000đ của anh T1.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận Lê Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo như luận tội của Kiểm sát viên.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng; chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương, nên được xem đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Với các tình tiết giảm nhẹ nêu trên cũng như về nhân thân của bị cáo. Xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo, sửa chữa không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách nhất định cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo được quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã xử lý xong.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đối với Trương Văn L1: Trước khi bị cáo G thực hiện hành vi lấy trộm tiền của bị hại thì bị cáo không có bàn bạc hay rủ rê L1 lấy trộm và không có sự giúp sức của L1 nên không là đồng phạm với bị cáo. Sau khi bị cáo lấy trộm tiền của bị hại thì L1 có biết và bị cáo có cho L1 số tiền 500.000đ nhưng L1 không nhận. Như vậy, hành vi này của L1 là không tố giác tội phạm, nhưng do hành vi của bị cáo G là trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự nên L1 không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội không tố giác tội phạm tại Điều 390 của Bộ luật Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, điều luật áp dụng và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Văn G 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/9/2024).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong trong quá trình điều tra.

3. Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận bồi thường xong nên không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp TVL;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- VKSND TX Bình Minh;
- CA TX Bình Minh;
- Chi cục THADS TXBM;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo, Bị hại;
- Người TGT khác (nếu có);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyên Khoa